

Số: 28/2020/QĐST-HNGĐ

Quan Hóa, ngày 03 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị S** – Sinh năm 1988

Trú tại: Bản Tân Hương, xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Số CMND:113507325, cấp ngày 13/02/2009; Nơi cấp: Công an tỉnh Hòa Bình

Bị đơn: Anh **Đỗ Xuân T** – Sinh năm 1983

Trú tại: Bản Tân Hương, xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Số CMND: 113161615, cấp ngày 20/4/2001; Nơi cấp: Công an tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào điều 28, điều 35, điều 146, điều 147, điều 212, điều 213, điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 147, điều 148 và điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 57, điều 58, điều 68, điều 69, điều 71, điều 72, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều 3; điều 6; khoản 7 điều 26; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07(Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị S, sinh năm 1988 và anh Đỗ Xuân T, sinh năm 1983.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị S và anh Đỗ Xuân T thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Các đương sự công nhận và thống nhất trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung, tên các cháu là Đỗ Phúc T, sinh ngày 01/4/2009 và cháu Đỗ Thị Phương T, sinh ngày 14/7/2011, hiện các cháu đang ở với chị Phạm Thị S, các cháu phát triển bình thường về thể chất và trí lực. Quá trình giải quyết vụ án cháu Đỗ Phúc T có bản nguyện vọng muốn được ở với bố, cháu Đỗ Thị Phương T có bản nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Chị Phạm Thị S và anh Đỗ Xuân T thống nhất, thể theo nguyện vọng của các cháu, giao cháu Đỗ Phúc T cho anh Đỗ Xuân T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao cháu Đỗ Thị Phương T cho chị Phạm Thị S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); Chị Phạm Thị S và anh Đỗ Xuân T đều có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi cần thiết, anh chị đều có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thỏa thuận và thống nhất, chị Phạm Thị S và anh Đỗ Xuân T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Anh chị đều có quyền làm đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị S và anh Đỗ Xuân T đều thống nhất mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Chấp nhận chị Phạm Thị S đã nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí HN&GD sơ thẩm, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004295 ngày 17/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị Phạm Thị S được nhận lại 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Anh Đỗ Xuân T phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- UBND xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa;
- UBND xã Mai Hịch, H. Mai Châu, T. Hòa Bình;
- Nguyên đơn Phạm Thị S;
- Bị đơn Đỗ Xuân T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng